

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tín hiệu ban đầu



Sau phiên giảm điểm hôm qua, VN-Index mở cửa phiên hôm nay tăng 3,38 điểm lên 480,82 điểm. Thanh khoản trong đợt 1 đạt 633 ngàn đơn vị, trị giá 15,9 tỷ đồng. Đà tăng có phần chững lại từ đợt 2 khi chỉ số chủ yếu giao động nhẹ quanh vùng 478-479 điểm. MSN, FPT, VIC, VCB giảm giá trong khi hầu hết các cổ phiếu blue-chips khác đều tăng. VN-Index đóng cửa với 478,45 điểm, tăng 1,01 điểm, tương đương với mức tăng 0,21% so với phiên trước. Tại thời điểm kết thúc phiên, số cổ phiếu tăng giá chiếm áp đảo thị trường với 150 mã, trong khi đó có 72 mã đứng giá và 61 mã giảm giá.

Giao dịch khớp lệnh giảm so với phiên trước nhưng giao dịch thỏa thuận tăng mạnh về cuối phiên, đưa tổng khối lượng giao dịch (cả khớp lệnh và thỏa thuận) lên 41,2 triệu đơn vị với trị giá 1187,4 tỷ đồng. Trong đó, riêng giao dịch thỏa thuận đạt 15,2 triệu đơn vị, tương đương với 570,2 tỷ đồng, chiếm tới 48% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Đáng chú ý là cổ phiếu KDH được giao dịch thỏa thuận gần 10,8 triệu cổ phiếu với giá tham chiếu. Ngoài ra, có 1 triệu cổ phiếu OCG trị giá 22,8 tỷ cũng được giao dịch thỏa thuận trong phiên hôm nay.

Khối ngoại quay trở lại bán ròng 716 ngàn đơn vị, tương đương 63,6 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Trong đó, họ mua vào 2,3 triệu đơn vị trị giá 78,2 tỷ đồng và bán ra 3 triệu đơn vị, trị giá 142 tỷ đồng. Các cổ phiếu được bán mạnh nhất gồm có VIC, CTD, FPT, SJS...

Sau hai phiên giảm điểm tương đối mạnh và lượng bán mạnh cao thì hôm nay chỉ số Vnindex đã có một phiên phục hồi nhẹ tuy nhiên thanh khoản lại sụt giảm hơn 20% so với ngày hôm qua. Với việc giá đóng cửa gần ở mức thấp nhất cho thấy lực cung vẫn áp đảo lực cầu bất đáy. Hiện tại Vnindex vẫn đang chuyển động trong kênh giao dịch 470-490 và mức hỗ trợ tại khu vực 468-470 là khá mạnh. Điểm số của chỉ số Vnindex bị tác động lớn bởi giao dịch của các mã có vốn hóa lớn cho nên chỉ báo Vnindex có thể không rơi khỏi khu vực hỗ trợ.

Phiên hôm nay vẫn chưa cho rõ dấu hiệu tích cực hay tiêu cực về thị trường. Nếu phiên ngày mai

thị trường giảm điểm thì cho thấy phiên hôm nay chỉ là phiên phục hồi giả tạo (dead-cat-bounce). Quan sát thêm mã SSI là mã dẫn dắt trên sàn Hose trong thời gian vừa qua cho thấy SSI đang trong chu trình suy giảm và có vẻ như rất khó để SSI có thể tăng lên vì vùng kháng cự 30-33.000 đ/cp của SSI khá mạnh, hội tụ nhiều cổ phiếu giao dịch đòi hỏi SSI phải tích lũy và có khối lượng giao dịch lớn mới vượt qua khu vực này.

Về mặt tích cực, VN-Index bật lên khi chạm vào mốc EMA(21) là tích cực. Đà giảm của VN-Index hiện tại khó giảm sâu ngắn hạn. Tuy nhiên cần chờ vài phiên tới nếu thị trường tiếp tục trụ vững trên 475 điểm hoặc tăng mạnh bật khỏi 487 điểm với khối lượng lớn thì nhà đầu tư ngắn hạn nên giải ngân. Nhà đầu tư trung dài hạn nên từ từ mua vào.

HNX:

Phục hồi yếu



HNX-Index có một phiên phục hồi nhẹ sau nhiều phiên giảm điểm liên tiếp vừa qua. Chỉ số tăng điểm từ đầu phiên, có lúc lên trên 107 điểm, và duy trì mức tăng nhẹ cho đến cuối phiên. HNX-Index tạm đóng cửa với 106,3 điểm, tăng 1,54 điểm, tương đương với mức tăng 1,47% so với phiên trước. Hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán như BVS, KLS, VND... đều khởi sắc. Tại thời điểm kết thúc phiên, toàn thị trường có 197 mã tăng giá, 92 mã đứng giá và 87 mã giảm giá.

Không cùng với xu hướng của chỉ số, thanh khoản trong phiên giảm mạnh với chỉ 24,6 triệu đơn vị khối lượng, trị giá 469,2 tỷ đồng. PVX, SHN, VND, KLS là các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng gần 7,4 tỷ đồng trong phiên hôm nay. PVX dẫn đầu khối lượng bán ròng với 366 ngàn đơn vị, trị giá 7,5 tỷ đồng.

Sau khi xác nhận mô hình vai đầu vai thuận, chỉ báo Hnxindex đã có những phiên giảm điểm mạnh với lực bán áp đảo đẩy giá đóng cửa luôn gần về mức thấp nhất. Phiên giao dịch ngày 11/12, chỉ báo Hnxindex xuyên thủng dải Bollinger. Phiên tăng điểm ngày hôm nay của Hnxindex chưa hẳn là tích cực. Đây có thể là hiện tượng của thông thường để kéo chỉ báo Hnxindex trở vào trong dải Bollinger. Quan sát những mã những mã dẫn dắt sàn HNX trong thời gian vừa rồi như KLS, BVS, VCG có thể thấy những mã này đều rơi vào mô hình suy giảm khá xấu và không dễ tăng giá trở lại. Nhà đầu tư nên bán ra tiếp nếu HNX-Index giảm xuống dưới 104 điểm một cách thuyết phục. Ngược lại, nên mua vào nếu HNX-Index vượt khỏi 111 điểm với khối lượng khá.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng theo biến động chung của thị trường, hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm PVN đều tăng giá trong phiên giao dịch hôm nay. Trong 31 cổ phiếu niêm yết, có 4 cổ phiếu (DPM, PXI, PPS và PGS) giảm giá, 10 cổ phiếu đứng giá, 17 cổ phiếu còn lại đều tăng giá. Các cổ phiếu tăng nhiều nhất là PVV tăng 6,99%, PCG tăng 6,03% và PVC tăng 5,04%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,93 % và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,97 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 12/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18,200	189,300	↑ 1.11	1.37	7.82	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	12,300	100	↑ 6.03	1.11	39.23	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,300	22,300	→ 0.00	1.20	97.28	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12,200	227,100	↑ 0.83	0.54	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,100	293,500	↓ -1.28	1.52	1.84	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	13,700	36,100	↑ 0.74	1.18	5.67	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,100	53,300	↓ -3.20	1.04	25.09	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	12,900	278,100	→ 0.00	1.11	10.04	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10,100	46,900	→ 0.00	0.63	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	40,700	181,300	↑ 2.01	2.18	5.92	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	25,000	375,900	↑ 5.04	1.93	6.38	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14,800	45,900	↑ 2.78	1.31	6.24	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,800	32,200	↑ 0.79	0.57	9.62	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,000	63,800	→ 0.00	1.57	7.51	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13,600	410,700	↑ 1.49	1.21	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	10,800	20,700	↑ 1.89	0.61	20.31	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,100	467,900	→ 0.00	1.66	5.27	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	15,300	176,900	↑ 6.99	1.26	5.94	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20,500	2,128,100	↑ 0.49	1.36	6.61	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	36,900	272,220	↓ -0.54	2.49	8.53	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16,100	118,880	↑ 0.63	0.96	6.57	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	36,000	140,530	→ 0.00	3.22	5.32	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11,500	109,400	↑ 0.88	0.48	12.72	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	51,000	411,520	→ 0.00	3.86	14.60	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	23,800	39,170	→ 0.00	2.22	48.51	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	9,800	242,720	→ 0.00	0.83	38.51	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	13,700	193,980	↓ -1.44	1.32	6.19	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9,400	291,210	↑ 1.08	0.85	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,000	22,640	↑ 1.69	1.02	9.29	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,700	42,250	↑ 0.68	1.38	6.32	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9,500	35,090	→ 0.00	0.81	11.97	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11,600	15,000	↓ -1.69	1.03	25.99	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,200	2,000	→ 0.00	0.53	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,300	16,700	↑ 2.47	0.75	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6,800	9,400	→ 0.00	0.68	N/A	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	8,400	-	→ 0.00	0.84	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Tình hình nợ công ở Châu Âu chuyển động trái chiều khi Hy Lạp có chiều hướng cải thiện, tín nhiệm Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha giảm sút: thâm hụt ngân sách năm 2010 của Chính phủ Hy Lạp giảm hơn 30% xuống 19.6 tỷ USD nhờ các biện pháp cắt giảm chi tiêu. Mức giảm này mạnh hơn so với dự báo 33.5% trong kế hoạch của Chính phủ vốn là điều kiện giúp nước này nhận gói giải cứu 110 tỷ EUR từ Liên minh châu Âu (EU) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Lợi suất trái phiếu Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chạm mức cao kỷ lục trước các cuộc đấu giá quan trọng. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Tây Ban Nha tăng từ 5.53% lên 5.55%. Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm của Bồ Đào Nha tăng lên mức cao kỷ lục 7.19% trước khi giảm nhẹ xuống còn 7.14%. Kinh tế Bồ Đào Nha có thể sẽ rơi trở lại vào suy thoái nhưng chính phủ nước này vẫn khẳng định không cần giải cứu trước khi tổ chức cuộc đấu giá nợ dài hạn đầu tiên. Việc nhận gói cứu trợ từ EU sẽ khiến Bồ Đào Nha bị trói buộc bởi các điều khoản quản lý nợ công chặt chẽ, và bị kiểm soát bởi các quốc gia thành viên khác.

Thặng dư thương mại của Trung Quốc thu hẹp: thặng dư thương mại của tháng 12 giảm xuống còn 13.1 tỷ USD do nhập khẩu tăng mạnh hơn xuất khẩu. Trong tháng 12/2010, giá trị ngoại thương chạm mức cao kỷ lục 295.2 tỷ USD, tăng 21.4% so với cùng kỳ năm ngoái và 4% so với tháng 11. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GAC), tổng giá trị ngoại thương 2010 của Trung Quốc tăng 2.97 ngàn tỷ USD (34,7%), trong đó xuất khẩu 2010 đạt 1.58 ngàn tỷ USD, nhập khẩu tăng 38.7% lên 1.39 ngàn tỷ USD. Thặng dư thương mại 2010 chiếm 6.2% tổng giá trị ngoại thương, thấp hơn so với mức 8.9% trong năm 2009 và mức 11.6% trong năm 2008.

Tỷ giá giữa đô la Mỹ và NDT tăng kỷ lục: Sáng ngày 12/01, đồng Nhân dân tệ (NDT) của Trung Quốc tự do lên mức kỷ lục 6.6128 NDT/USD. Tỷ giá NDT bình quân liên ngân hàng ngày 12/01 giảm 0.88% so với mức 6.6216 NDT/USD trong ngày thứ Ba Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) cho biết sẽ tiếp tục cải cách cơ chế thiết lập tỷ giá NDT nhằm cải thiện tính linh hoạt.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC

Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)



Giá vàng kỳ hạn (COMEX)



Giá vàng quốc tế và trong nước tiếp tục tăng. Giá dầu tiếp tục các dấu hiệu phục hồi

Giá vàng tiếp tục tăng trở lại: nợ công Bồ Đào Nha, tình hình lạm phát của các quốc gia trên toàn thế giới đang phát huy tác dụng làm tăng giá kim loại quý này. Giá vàng giao ngay trên sàn COMEX vào 16:00 GMT+7 ở mức 1385.21\$/ounce, tăng 0.34%. Giá vàng kỳ hạn giao tháng 2 đóng cửa ở mức 1385.6, tăng 0.7%. Giá vàng kỳ vọng sẽ còn tăng trong thời gian tới khi nhu cầu mua trang sức ở Trung Quốc tăng lên trong dịp Tết Nguyên Đán

Giá dầu tăng trên 90\$/thùng: sau sự cố tại đường ống dẫn dầu Alaska, để đảm bảo nguồn dầu dự trữ đề phòng trường hợp tương tự xảy ra, các quốc gia cung cấp dầu ở Trung Đông và Châu Á cho biết sẽ kiểm soát chặt nguồn cung ra thị trường. Điều này khiến giá dầu hôm nay tăng mạnh, lên trên mốc 90\$ thùng. Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York giao dịch ở mức 91.27USD/thùng (2.26%). Giá dầu Brent tăng 0.03%, lên 97,26\$.thùng

Giá vàng trong nước: hôm nay tiếp tục tăng theo xu thế vàng thế giới, sáng nay giá vàng giao dịch trung bình quanh mức 35,80/35.88 (mua vào bán ra), tăng 60,000 đồng. Cụ thể, giá vàng SJC giao dịch ở mức 35,80 – 35,88 triệu đồng/lượng, tăng 70 nghìn đồng/lượng so với hôm qua. Giá vàng SBJ tại Sacombank ở mức 35,85 – 35,89 triệu đồng/lượng. Tỷ giá đôla trên thị trường tự do không thay đổi, ổn định quanh mức 21,070/21,110 (mua vào/bán ra).

Trái với dự đoán, giá đồng thế giới giảm trong tháng 12 khi nhu cầu từ Trung Quốc giảm xuống: tháng 12/2010 tổng lượng nhập khẩu đồng và các sản phẩm của Trung Quốc đã giảm xuống 344.558 tấn. Giá đồng đã giảm 3.3% trong ba phiên liên tiếp tại New York, mức giảm lớn nhất kể từ tháng 6/2010. Giá đồng giao tháng 3/2011 giảm 1,8% tương đương 0,4%, giao dịch ở mức 4,2645USD/pounce

Bộ Tài chính không đồng ý tăng giá thép: Tổng công ty Thép Việt Nam kiến nghị Cục quản lý giá cho tăng giá bán thép với lý do các yếu tố chi phí tăng giá quá cao, như: chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trực tiếp tăng 4,03%, chi phí bán hàng tăng 291,6% so với kỳ trước. Công ty Thép Vinakyoer cũng đăng ký mức tăng 84.000đồng/tấn so với kỳ trước. Để thực hiện mục tiêu kiểm soát và kiềm chế lạm phát, Cục Quản lý giá đã bác đề nghị này, yêu cầu Tổng công ty Thép Việt Nam, Công ty Thép Vinakyoer tiết kiệm chi phí, giữ ổn định và không tăng giá thép

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomim	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010
CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010

Lịch niêm yết lần đầu

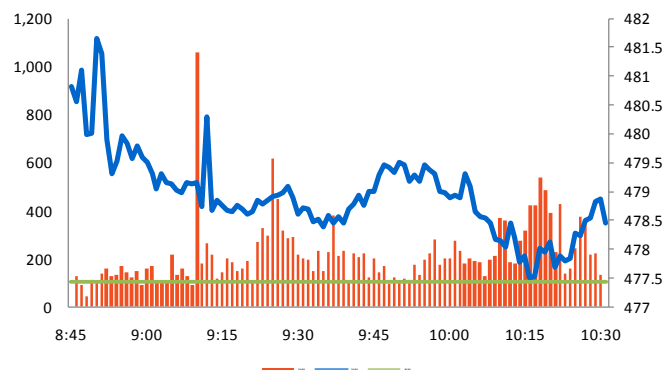
Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011

Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

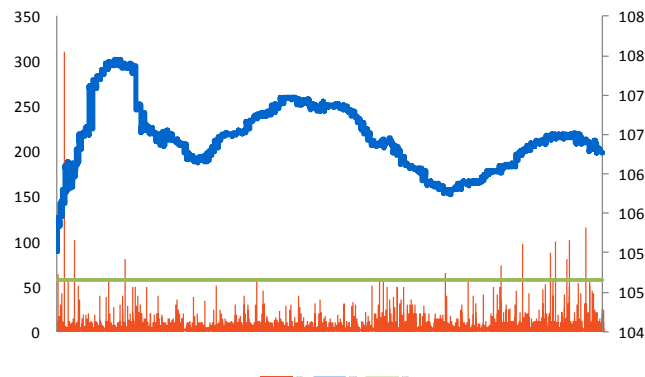
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	478.45 ↑	1.01	0.21%
KLGD (triệu ck)	41.21 ↑	5.79	16.34%
GTGD (tỷ đồng)	1,187.44 ↑	370.26	45.31%
Tổng cung (triệu ck)	48.34 ↓	-14.86	-23.51%
Tổng cầu (triệu ck)	61.81 ↑	2.62	4.43%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.25 ↓	-2.05	-47.75%
KL bán (triệu ck)	2.96 ↑	1.15	63.82%
Giá trị mua (tỷ đồng)	78.17 ↓	-70.23	-47.33%
Giá trị bán (tỷ đồng)	141.81 ↑	43.13	43.70%



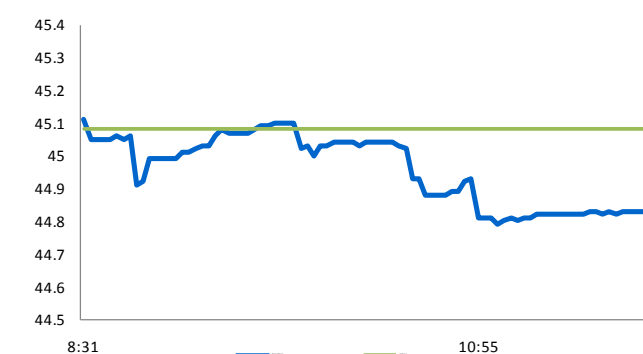
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	106.30 ↑	1.54	1.47%
KLGD (triệu ck)	24.56 ↓	-9.86	-28.64%
GTGD (tỷ đồng)	468.76 ↓	-134.94	-22.35%
Tổng cung (triệu ck)	36.67 ↓	-9.15	-19.96%
Tổng cầu (triệu ck)	48.19 ↑	0.62	1.30%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.49 ↓	-0.04	-6.76%
KL bán (triệu ck)	0.82 ↑	0.30	57.26%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.42 ↓	-2.47	-20.76%
Giá trị bán (tỷ đồng)	16.80 ↑	6.51	63.31%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.80 ↓	-0.28	-0.62%
KLGD (triệu ck)	0.08 ↓	-0.02	-22.49%
GTGD (tỷ đồng)	0.88 ↓	-0.45	-33.71%
Tổng cung (triệu ck)	0.60 ↓	-0.09	-13.42%
Tổng cầu (triệu ck)	0.42 ↑	0.01	1.36%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
KDH	40,700	40,700	0.00	442,210
SSI	29,000	29,500	1.72	52,582
QCG	25,500	26,500	3.92	47,150
OGC	22,800	23,500	3.07	36,224
VIC	96,500	96,000	-0.52	31,446

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SRC	30,400	31,900	1,500	4.93
DTA	12,300	12,900	600	4.88
IJC	16,900	17,700	800	4.73
VHC	25,500	26,700	1,200	4.71
NSC	32,000	33,500	1,500	4.69

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MDG	25,000	20,000	-5,000	-20.00
CLW	10,000	9,500	-500	-5.00
FMVF	8,000	7,600	-400	-5.00
COM	36,800	35,000	-1,800	-4.89
KAC	26,600	25,300	-1,300	-4.89

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
PVD	19,041	VIC	28,712
DPR	6,830	CTD	21,610
CII	5,136	FPT	20,523
HAG	4,882	PVD	13,878
STB	4,753	SJS	12,813

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
PVX	20,400	20,500	0.49	43,720
SHN	20,500	21,600	5.37	40,282
VND	20,300	20,700	1.97	37,113
KLS	14,200	14,300	0.70	35,529
VCG	22,400	23,000	2.68	31,196

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PVV	14,300	15,300	1,000	6.99
VKC	16,000	17,100	1,100	6.88
TET	31,000	33,100	2,100	6.77
MIM	19,200	20,500	1,300	6.77
VBH	16,400	17,500	1,100	6.71

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DAC	50,000	46,500	-3,500	-7.00
HAT	25,800	24,000	-1,800	-6.98
MKV	29,000	27,000	-2,000	-6.90
S12	14,500	13,500	-1,000	-6.90
HVT	10,200	9,500	-700	-6.86

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
PVS	4,594	PVX	8,410
PSI	1,234	PVS	4,980
PVX	888	SHN	1,767
VCG	788	DBC	916
NET	738	TCT	203

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
MAX	28,000	27,500	-1.79	217
NT2	11,800	11,600	-1.69	174
PSB	8,100	8,300	2.47	140
NOS	0	10,000	0.00	82
PSP	6,800	6,800	0.00	64

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCT	10,300	11,300	1,000	9.71
CLS	7,700	8,400	700	9.09
ND2	5,700	6,200	500	8.77
PPP	10,600	11,300	700	6.60
ABI	6,400	6,800	400	6.25

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PDN	51,100	46,000	-5,100	-9.98
BMJ	17,900	16,200	-1,700	-9.50
TTG	5,300	4,800	-500	-9.43
ITD	14,500	13,200	-1,300	-8.97
PTP	6,700	6,100	-600	-8.96

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339